TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 270/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 25 - 8 - 2023.
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mạc Minh Quang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Sĩ Quang và bà Dương Thị Kim Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Hữu Thắng - Thư ký TAND tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Quyết - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở TAND tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 283/2023/TLST-HNGĐ ngày 19/6/2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 297/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/7/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 236/2023/QĐST-HNGĐ ngày 09/8/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thúy N**, sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn L, xã V, huyện B, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh **Ngô Đức Đ,** sinh năm 1987

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn L, xã V, huyện B, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú hiện nay: Hàn Quốc.

- Người làm chứng: Bà **Ngô Thị T** - sinh năm 1960.

Địa chỉ: thôn Q, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương.

Chị N và anh Đ đều vắng mặt tại phiên tòa.

Chị N, anh Đ đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai chị Nguyễn Thúy N trình bày*:** Chị và và anh Ngô Đức Đ tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, tỉnh Hải Dương vào ngày 10 tháng 4 năm 2009 và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương.

Sau ngày cưới, chị và anh Đ tổ chức cuộc sống chung vui vẻ, hòa thuận được

khoảng 02 năm thì anh Đ đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc tháng 4 năm 2011, vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc với nhau, anh Đ vẫn quan tâm đến cuộc sống của mẹ con chị. Đến năm 2014, vợ chồng tôi bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không tin tưởng nhau trong cuộc sống, do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nên chị cũng làm T tục đi lao động tại Nhật Bản từ tháng 3 năm 2016 cho đến cuối năm 2018 chị về nước. Từ đó chị và anh Đ không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, sau khi chị về nước chị không về gia đình anh Đ sinh sống, đồng thời chị đón con là Ngô Đức Đ về nhà bố mẹ đẻ ở được khoảng vài tháng thì chị tiếp tục đi lao động tại Nhật Bản cho đến năm 2022 về nước và trực tiếp nuôi con cho đến nay, còn anh Đ vẫn đang lao động tại Hàn Quốc hiện nay chưa về Việt Nam. Nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, đã sống ly thân từ năm 2011 đến nay nên tình cảm vợ chồng không còn, có níu kéo cũng không mang lại hạnh phúc cho nhau, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn anh Ngô Đức Đ để tôi sớm ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 01 con chung là Ngô Đức Đ, sinh ngày 21/9/2010, hiện đang do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Ly hôn, nguyện vọng của chị xin được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, tự nguyện không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng tiền nuôi con và cam kết có đủ khả năng, điều kiện để nuôi con về mọi mặt cho đến khi con trưởng thành.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh Ngô Đức Đ tại Hàn Quốc. Chị đề nghị Tòa án xác minh địa chỉ của anh Đ thông qua mẹ đẻ là bà Ngô Thị T, sinh năm 1960, địa chỉ: thôn L, xã V, huyện B, tỉnh Hải Dương.

***- Tòa án tiến hành lấy lời khai của bà Ngô Thị T (là mẹ đẻ anh Đ) trình bày*:** Anh Đ và chị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký tại UBND xã V, huyện B vào năm 2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh Đ tổ chức cuộc sống chung tại gia đình bà được khoảng 02 năm thì anh Đ đi lao động tại Hàn Quốc, còn chị N ở nhà nuôi con. Năm 2016, chị N để con lại cho gia đình bà chăm sóc, chị đi lao động tại Nhật Bản cho đến năm 2018 thì về nước, sau đó vài tháng chị N tiếp đi lao động tại Nhật Bản cho đến năm 2022 thì về nước ở với gia đình bố mẹ đẻ. Do anh Đ và chị N sống xa cách mỗi người một nơi nên đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do cả hai đều nghi ngờ nhau trong cuộc sống, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, không có tiếng nói chung. Anh Đ đi lao động tại Hàn Quốc từ năm 2011 cho đến nay chưa về nước lần nào. Việc mâu thuẫn của vợ chồng anh

Đ chị N, bà đã khuyên bảo nhiều lần để vợ chồng đoàn tụ nhưng phía chị N không chấp nhận quay lại đoàn tụ, còn anh Đ cũng không muốn quay về sống chung với mẹ con chị N nữa nên gia đình bà cũng không còn biện pháp gì khuyên bảo vợ chồng, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Sau khi nhận Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản của Tòa án, bà đã thông báo qua điện thoại cho anh Đ biết về việc chị N làm đơn xin ly hôn và yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng con chung. Qua trao đổi anh Đ không cho ông biết địa chỉ cụ thể ở Hàn Quốc nên bà không thể cung cấp địa chỉ hiện nay của anh Đ cho Tòa án được, anh Đ cũng không gửi ý kiến bằng văn bản về cho Tòa án nhưng có quan điểm vợ chồng sống xa cách nhiều năm, mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên tình cảm vợ chồng không còn, anh Đ nhất trí ly hôn; anh Đ đồng ý để chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung sau khi ly hôn, chị N tự nguyện không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng tiền nuôi con chung, anh Đ cũng đồng ý và không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Tại công văn số 16261/QLXNC-P5 ngày 28/6/2023 của Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an xác định anh Ngô Đức Đ, sinh ngày 20/11/1987 được cấp hộ chiếu số B2640989 ngày 06/11/2008, đã xuất cảnh ngày gần nhất 15/04/2011, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước.

Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm xác định việc chấp hành tố tụng của những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đảm bảo quy định của pháp luật. Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thúy N được ly hôn anh Ngô Đức Đ; Về con chung: Xử giao chị N trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung là Ngô Đức Đ, sinh ngày 21/9/2010 cho đến khi con đủ 18 tuổi, trưởng thành; chấp nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng tiền nuôi con sau khi ly hôn. Về tài sản chung, vay nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không phải giải quyết. Về án phí: Chị N phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đề nghị xin xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị N.

Anh Ngô Đức Đ là bị đơn trong vụ án là người Việt Nam đang sinh sống, lao động tại Hàn Quốc nhưng không rõ địa chỉ cụ thể, tuy nhiên anh Đ vẫn liên lạc với thân nhân ở trong nước. Tòa án đã yêu cầu chị N và bà T (mẻ đẻ anh Đ) cung cấp địa chỉ của anh Đ nhưng không cung cấp được nên Tòa án giải quyết vụ án theo T tục chung. Tòa án đã tống Đ, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh Đ vẫn vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh Đ tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện B, tỉnh Hải Dương vào ngày 10/4/2009. Do đó hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Sau ngày cưới, vợ chồng tổ chức cuộc sống chung vui vẻ, hòa thuận cho đến tháng 4/2011 thì anh Đ đi lao động tại Hàn Quốc, còn chị N ở nhà chăm sóc con cái. Năm 2014, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không tin tưởng nhau và không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Chị N cũng đi lao động tại Nhật Bản từ năm 2016 cho đến năm 2022 về nước và hiện tại đang sinh sống cùng với con tại gia đình bố mẹ đẻ. Hiện tại anh Đ vẫn sinh sống và làm việc tại Hàn Quốc nên chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Đ để ổn định cuộc sống riêng. Thông qua gia đình, anh Đ cũng có quan điểm xác định tình cảm vợ chồng không còn, không muốn quay về chung sống với chị N nên nhất trí ly hôn. Xét mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không Đ được, cần xử cho chị N được ly hôn anh Đ là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Ngô Đức Đ, sinh ngày 21/9/2010, hiện đang ở với chị N. Nguyện vọng của chị N xin được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Anh Đ cũng nhất trí để chị N tiếp tục nuôi dưỡng con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi, trưởng thành nên cần chấp nhận xử cho chị N được nuôi dưỡng con chung và chấp nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng tiền nuôi con là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, vay nợ: Chị N và anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị N là nguyên đơn nên phải chịu án phí Hôn nhân gia

đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thúy N được ly hôn anh Ngô Đức Đ.

2. Về con chung: Giao chị Nguyễn Thúy N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung Ngô Đức Đ, sinh ngày 21/9/2010 cho đến khi đủ 18 tuổi, trưởng thành. Chấp nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, vay nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thúy N phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương theo biên lai thu số AA/2022/0000823 ngày 19/6/2023. Chị N đã nộp đủ án phí sơ thẩm ly hôn.

5. Về quyền kháng cáo: Chị N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết. Anh Đ đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Vĩnh Hồng, Bình Giang, Hải Dương (*để nghi vào sổ hộ tịch*);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Mạc Minh Quang